TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG SƠN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 31/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18 – 3 – 2025
" V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG SƠN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Mỡn

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lâm Văn Dũng

2/ Bà Đặng Thị Lệ

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Phước Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Sơn, tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long*: *không tham gia phiên tòa*.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 508/2024/TLST – HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2024 về "*Tranh chấp ly hôn*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/ QĐXXST – HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2025 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 31/2025/QĐST-DS ngày 28/02/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Mã Thanh T – sinh năm: 1975.

Địa chỉ: ấp E, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Anh Võ Thanh S – sinh năm: 1975

Địa chỉ: ấp N, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ *Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Mã Thanh T trình bày:*

- *Về mối quan hệ hôn nhân:* Chị T và anh S hôn nhân hình thành trên cơ sở mai mối, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 17/5/2006. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống chung tại ấp N, xã T, huyện V. Đến khoảng tháng 02/2008 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S thường xuyên có lời nói chửi tục, xúc phạm uy tín, danh dự của tôi, đập phá tài sản trong gia đình, ghen tuông vô căn cứ. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 01/2024

Nay chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh S.

- *Về con chung:* Có 02 con chung là Võ Thị Thảo N, sinh năm 1997 và Võ Thị Thảo N1, sinh năm 2004. Do 02 con đã thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung của vợ chồng*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ phải thu, phải trả*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ ***Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trương Hoàng S1 trình bày***: Anh S1 thống nhất theo lời trình bày của chị T về mối quan hệ hôn nhân, quá trình chung sống.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của chị T thì anh S1 có ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh S1 không đồng ý ly hôn vì vấn đề tài sản chung và nợ chung của vợ chồng chưa được giải quyết.

- *Về con chung:* Có 02 con chung là Võ Thị Thảo N, sinh năm 1997 và Võ Thị Thảo N1, sinh năm 2004. Do 02 con đã thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung của vợ chồng*: Anh S1 có yêu cầu giải quyết nhưng không nộp cho Tòa án đơn yêu cầu phản tố theo quy định.

- *Về nợ phải thu, phải trả*: Anh S1 có yêu cầu giải quyết nhưng không nộp cho Tòa án đơn yêu cầu phản tố theo quy định

Tại phiên tòa:

+ Chị T trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

+ Đối với Anh S1 vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

Bị đơn là anh S1 có địa chỉ cư trú tại huyện V, tỉnh Vĩnh Long nên Tòa án nhân dân huyện Vũng Sơn thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Quá trình thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần. Căn cứ vào khoản 2, Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia phiên tòa.

Xét việc bị đơn anh S1 được triệu tập hợp lệ tham dự phiên tòa lần thứ hai, nhưng bị đơn cố tình vắng mặt không có lý do. Xét thấy, có thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn; Hội đồng xét xử, quyết định xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét thấy:

[2.1] Giữa chị T và anh S1 có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa anh, chị có nhiều mâu thuẫn như: Vợ chồng thường hay cự cãi vì bất đồng quan điểm trong cuộc sống; giữa vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Đồng thời, chị T và anh S1 hiện tại đã ly thân với nhau từ tháng 01/2024 đến nay.

Từ đó cho thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu xin ly hôn với anh S1 là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Khoản 1 Điều 56 quy định: "Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc … hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"; khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 quy định "a) Không có tình cảm vợ chồng, ví dụ: Vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ, chồng sống ly thân, bỏ mặc vợ hoặc chồng; c) Vợ chồng xúc phạm nhau, làm tổn hại đến danh dự, nhân phẩm, uy tín, tổn thất về tinh thần…"

[3.1] Về con chung: Do con chung đã thành niên nên không đặt ra xem xét.

[3.2] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu chia tài sản chung; anh S1 có yêu cầu chia tài sản chung nhưng anh S1 không nộp cho Tòa án đơn yêu cầu phản tố về việc chia tài sản chung theo quy định nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.3] Về nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết về tài sản nợ của vợ chồng; anh S1 có yêu cầu giải quyết tải sản nợ của vợ chồng nhưng anh S1 không nộp cho Tòa án đơn yêu cầu phản tố về việc chia tài sản nợ theo quy định nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] Về án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147, 273 và 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, 51, 55, và 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Mã Thanh T được ly hôn với anh Võ Thanh S.
2. Về con chung: Hội đồng xét xử không xem xét.
3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét.
4. Về nợ chung phải thu, phải trả: Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị T nộp số tiền là: 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí sơ thẩm về ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu số 0009510 ngày 29/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Sơn, nên chị T không phải nộp thêm.

Anh S không phải nộp án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
-VKSND huyện Vũng Liêm;
-Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Mỡn